THANH DO UNIVERSITY

TẠP CHÍ

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

JOURNAL OF SCIENTIFIC RESEARCH AND DEVELOPMENT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ

ISSN 2815-570X

DOI: https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2

Volume 4 **Issue 3**

September, 2025

TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

Volume 4, Issue 3 (13)
September, 2025

TỔNG BIÊN TẬP	**EDITOR IN CHIEF**
Vũ Thị Thanh Minh	**Vu Thi Thanh Minh**
HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP	**EDITORIAL BOARD**
Phan Thị Thanh Thảo, Chủ tịch	**Phan Thi Thanh Thao, Chairwoman**
Trường Đại học Thành Đô	*Thanh Do University*
Phùng Văn Hoàn, Phó Chủ tịch	**Phung Van Hoan, Vice Chairman**
Trường Đại học Thành Đô	*Thanh Do University*
Đào Thị Ái Thi, Phó Chủ tịch	**Dao Thi Ai Thi, Vice Chairwoman**
Trường Đại học Thành Đô	*Thanh Do University*
Vũ Thị Thanh Minh, Phó Chủ tịch, Thư ký HĐ	**Vu Thi Thanh Minh, Vice Chairwoman, Secretary**
Trường Đại học Thành Đô	*Thanh Do University*
Trần Thọ Đạt	**Tran Tho Dat**
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	*National Economics University*
Phạm Văn Đức	**Pham Van Duc**
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	*Vietnam Academy of Social Sciences*
Võ Khánh Vinh	**Vo Khanh Vinh**
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	*Vietnam Academy of Social Sciences*
Phuah Kit Teng	**Phuah Kit Teng**
Đại học Cao đẳng Tunku Abdul Rahman, Malaysia	*Tunku Abdul Rahman University College, Malaysia*
Nguyễn Tiến Trung	**Nguyen Tien Trung**
Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo	*Journal of Education, Ministry of Education and Training*
Huỳnh Lưu Đức Toàn	**Huynh Luu Duc Toan**
Đại học Queen Mary London, Vương quốc Anh	*Queen Mary University of London, United Kingdom*
Nguyễn Thu Hạnh	**Nguyen Thu Hanh**
Học viện Khoa học Quân sự	*Military Science Academy*
Phạm Hùng Hiệp	**Pham Hung Hiep**
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục EdLab Asia	*Edlab Asia*
Andrew Nghia Tran	**Andrew Nghia Tran**
Đại học Quốc Gia Australia	*Australian National University*
Nguyễn Thị Phước Vân	**Nguyen Thi Phuoc Van**
Đại học Nam Queensland, Australia	*University of Southern Queensland, Australia*
Đỗ Cảnh Thìn	**Do Canh Thin**
Đại học Quốc gia Hà Nội	*Hanoi National University*
Nguyễn Văn Rư	**Nguyen Van Ru**
Trường Đại học Dược Hà Nội	*Hanoi University of Pharmacy*
Nghiêm Thị Bích Diệp	**Nghiem Thi Bich Diep**
Đại học Quốc gia Hà Nội	*Hanoi National University*
Nguyễn Ngọc Linh	**Nguyen Ngoc Linh**
Trường Đại học Thành Đô	*Thanh Do University*
Lê Bá Vinh	**Le Ba Vinh**
Đại học Bergen, Na Uy	*Bergen, Na Uy University*

Biên tập và trình bày
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN
Hiệu đính tiếng Anh
Đinh Thị Thanh Huyền
Nguyễn Ngọc Linh

In tại Hà Nội
Giá bán: 129.000VNĐ

MỤC ĐÍCH, SỨ MỆNH VÀ TẦM NHÌN

Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và phát triển (Tên tiếng Anh: Journal of Scientiic Research and Development) là cơ quan báo chí thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học, công nghệ của Trường Đại học Thành Đô. Tạp chí được Bộ Thông tin và Truyền Thông cấp giấy phép hoạt động số 430/GP-BTTTT ngày 24 tháng 8 năm 2022 và có mã số chuẩn quốc tế là: ISSN 2815-570X.

Tạp chí xuất bản theo định kỳ và thường xuyên trong năm, với mục đích: Công bố và phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ mới nhất của Trường Đại học Thành Đô, của Việt Nam và Thế giới; Thông tin chuyên sâu, chuyên ngành về nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học, công nghệ vào thực tiễn; Cung cấp cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn phục vụ cho các cơ quan, tổ chức tham khảo, nghiên cứu trong quá trình hoạch định chiến lược, chính sách, hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển. Tạp chí là diễn đàn trao đổi thông tin, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nước và quốc tế.

Đáp ứng chuẩn mực và chất lượng khoa học ngày càng cao của Tạp chí, tất cả các bài viết gửi đăng trên Tạp chí đều được phản biện kín theo một quy trình chặt chẽ, khách quan bởi các nhà khoa học có uy tín, các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ của Việt Nam và thế giới.

VISION, MISSION AND GOALS

Journal of Scientific Research and Development is a press agency of Thanh Do University performing the scientific research and applications of science and technology. The journal was licensed No 430/GP- BTTTT on 24th August, 2022 by Ministry of Information and Commnications with the ISSN 2815-570X.

The journal is periodically published with the following goals/aims: Publicize the achievements of the latest scientific research and technology at Thanh Do University, in Vietnam and worldwide; provide in-depth and professional information on scientific research and applications of science, technology into the theory; provide practical and theoretical scientific basis for the organizations in the process of making policies and strategies, for the state management of scientific research and development. The journal is the forum for the exchanges of information and practical experiences in scientific research, for the applications of advanced and modern technology in the country and internationally.

To meet the increasingly strict requirements and standards of the journal, the articles submitted for publication are all closely reviewed under a secret and objective process by reputable scientists and leading experts in the field of science and technology of Vietnam and the world.

THANH DO UNIVERSITY

NGO XUAN DO POSTDOC FELLOWSHIP

Giới thiệu

QUỸ HỌC BỔNG SAU TIẾN SĨ NGÔ XUÂN ĐỘ

*Trường Đại học Thành Đô thành lập **Quỹ Học bổng sau Tiến sĩ Ngô Xuân Độ (Ngo Xuan Do Postdoctoral Fellowship Foundation)** nhằm tri ân sâu sắc những đóng góp to lớn của Nhà giáo Nhân dân Ngô Xuân Độ người sáng lập Trường. Đồng thời, Quỹ hướng tới mục tiêu thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, góp phần phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, phù hợp với định hướng Nghị quyết 57/NQ-TW.*

ĐỐI TƯỢNG

Quỹ học bổng sau Tiến sĩ mang tên NGND Ngô Xuân Độ được thành lập, tài trợ cho các nhà khoa học có học vị Tiến sĩ với những đề tài nghiên cứu phù hợp, ưu tiên các lĩnh vực chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, đổi mới giáo dục và phát triển bền vững. Đặc biệt, Quỹ khuyến khích cả các công trình có định hướng khoa học cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hướng tới tạo ra các ấn phẩm học thuật chất lượng cao và sản phẩm ứng dụng.

GIAI ĐOẠN

2025 - 2029

1 Tổng kinh phí: **5** tỷ đồng

2 **10 - 15** học bổng/năm

3 Mỗi dự án: **50 – 750** triệu đồng

4 Thời gian thực hiện: **12 – 36** tháng (có thể gia hạn tối đa 12 tháng)

5 Tài trợ cho các nghiên cứu cơ bản (bài báo, sách) và sản phẩm ứng dụng (giáo trình, phát minh, hệ thống đào tạo...)

Quỹ đã mở cổng tiếp nhận hồ sơ đăng ký.

Thông tin chi tiết: ngoxuando-fellowship.thanhdo.edu.vn

rek.institute@thanhdouni.edu.vn

- Lý lịch khoa học
- Thuyết minh đăng ký theo mẫu quy định của chương trình

ĐĂNG KÝ NGAY

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

JOURNAL OF SCIENTIFIC RESEARCH AND DEVELOPMENT

Tổng biên tập: TS. Vũ Thị Thanh Minh

Địa chỉ tòa soạn: Km 15 - Quốc Lộ 32 - Hoài Đức - Hà Nội
Điện thoại: 02433 861 601 (Máy lẻ 107)
Email: journal@thanhdouni.edu.vn
Website: https://jsrd.thanhdo.edu.vn/
Giấy phép xuất bản: Số 430/GP-BTTTT, cấp ngày 24 tháng 8 năm 2022

HƯỚNG DẪN TÁC GIẢ GỬI BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ

Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển, trân trọng kính mời quý các nhà khoa học, các giảng viên, các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên đang công tác, giảng dạy, nghiên cứu, học tập tại các trường đại học, các cơ quan, đơn vị nghiên cứu... trong và ngoài nước gửi các công trình khoa học đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển.

Bài báo của quý tác giả gửi đến Tạp chí cần đảm bảo các quy định về đạo đức nghiên cứu và không đạo văn.

Quý tác giả vui lòng đọc và làm theo các hướng dẫn sau để đảm bảo bài báo của tác giả đáp ứng được các yêu cầu của Tạp chí.

Chuẩn bị và gửi đăng bài báo: Các bản thảo gửi đăng cần được định dạng ở dạng .doc hoặc .rtf. Bài báo tổng quan và bài báo trao đổi thông tin khoa học có số lượng từ 1.500 từ đến 3.000 từ; bài báo khoa học có số lượng từ 3.500 từ đến 7000 từ. Các bài báo cần có tóm tắt nội dung (cả tiếng Việt và tiếng Anh) là 150-250 từ và 3-5 từ khóa. Tất cả các bài báo đều được gửi phản biện kín bởi các chuyên gia uy tín.

Bản thảo gửi tới tạp chí được trình bày theo cấu trúc như sau:
1. Đặt vấn đề
2. Tổng quan nghiên cứu
3. Cách tiếp cận và Phương pháp nghiên cứu
4. Kết quả nghiên cứu
5. Bàn luận
6. Kết luận
7. Tài liệu tham khảo

Minh họa, bảng và biểu đồ: Các bảng dữ liệu trình bày trong bài báo được ghi thống nhất là Bảng. Các đồ thị, biểu đồ, sơ đồ trong bài được ghi thống nhất là Hình. Với các đồ thị/biểu đồ được xây dựng từ phần mềm Microsoft Excel, tác giả cần gửi kèm file gốc dưới định dạng .xls của đồ thị/biểu đồ đó. Với các hình được làm bằng các chương trình đồ họa (Corel Draw, Adobe Photoshop...) tác giả cần đính kèm file gốc. Với các hình dạng ảnh (photo), yêu cầu là file JPEG, TIF có độ phân giải không dưới 300 dpi.

Các bảng và hình trong bài viết phải được đánh số riêng biệt và theo thứ tự liên tục bằng chữ số Ả-rập. Các bảng/hình trong bài viết phải có đơn vị đo và cần được viện dẫn nguồn.

Tác giả chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn tài liệu, các bảng, hình vẽ, trích dẫn dùng trong bài báo. Điều này áp dụng cả với những hình vẽ hoặc bảng là kết quả của việc sử dụng dữ liệu từ nguồn khác. Tất cả bài báo được chấp nhận, cũng như các bảng biểu, ảnh liên quan sau đó sẽ thuộc quyền sử dụng của Tạp chí (nhà xuất bản).

INSTRUCTIONS FOR AUTHORS

The Journal of Scientific Research and Development welcomes researchers, lecturers, graduate and undergraduate students from Vietnam and all around the world to submit their work for publication in our journal.

The papers submitted to The Journal of Scientific Research and Development must ensure that their manuscripts are ethically sound. Manuscripts containing plagiarized material are not allowed to publish in this journal.

Before submitting your manuscript, please ensure that you have read and followed the author's guidelines and instructions provided below.

Manuscript preparation: The manuscript's main text must be submitted as a Word document (.doc) or Rich Text Format (.rtf) file. Submissions for review and commentary articles should be between 1,500 to 3,000 words in length. Submissions for original empirical content should be between 3,500 to 7,000 words in length. The abstracts should be between 150 - 250 words, written in both Vietnamese and English, and followed by 3-5 keywords. All submissions are subjected to a blind peer review process.

The manuscript should be organized as follows:
1. Introduction
2. Literature review
3. Methods and Methodology
4. Results
5. Discussion
6. Conclusion
7. References

Images, tables and figures: All data tables presented in the manuscript should be labeled Table. All types of graphs, charts, and diagrams in the manuscript should be labeled as Figure. For the graphs/charts created in Microsoft Excel software, the authors need to provide each graph/chart in .xls format separately. For figures/images created with graphics software (Corel Draw, Adobe Photoshop, etc.), the authors need to provide each original image file separately in either JPEG or TIF format with a resolution of not less than 300 dpi.

Tables and figures in the paper must be numbered sequentially using Arabic numerals. Furthermore, the authors must present clear units of measurement and proper citations.

The authors are responsible for obtaining permission to reproduce copyrighted material from other sources, such as tables, figures, and quotes used in the article. These requirements apply to direct reproduction as well as “derivative reproduction” (where you have created a new figure or table which derives substantially from a copyrighted source). A submitted manuscript, when published, will become the property of the journal. This applies to all of the materials included in the manuscript.

MỤC LỤC – CONTENTS

CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT

1 **Trần Đăng Bộ, Chu Vũ Bảo Thư**

RESOLUTION NO. 68/NQ-TW OF THE 13TH-TENURE POLITIBURO - A BREAKTHROUGH IN PERCEPTION AND THINKING ON THE PRIVATE SECTOR DURING THE RENOVATION PERIOD — **1**
Nghị quyết số 68/NQ-TW của Bộ Chính trị khoá XIII - Bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy về kinh tế tư nhân thời kỳ đổi mới

2 **Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Văn Trọng**

DEVELOPMENT OF THE PRIVATE ECONOMY IN VIETNAM: BARRIERS AND SOLUTIONS — **10**
Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Rào cản và giải pháp

KHOA HỌC, GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHỆ

3 **Nguyễn Thúy Vân, Trần Thị Thu Trang, Đặng Thị Ngọc Bích**

IMPROVING THE INFORMATION TECHNOLOGY CURRICULUM AT THANH DO UNIVERSITY TO FULFILL EDUCATIONAL ACCREDITATION STANDARDS — **19**
Cải tiến chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của trường Đại học Thành Đô đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục

4 **Trần Minh**

AN AI EDUCATION REFERENCE FRAMEWORK ALIGNED WITH NIST/ISO AND MLOPS FOR PUBLIC-SECTOR DIGITAL TRANSFORMATION – FROM CLASSROOM TO OPERATIONS: PROGRAM BENCHMARKING AND RECOMMENDATIONS — **27**
Khung tham chiếu đào tạo AI theo NIST/ISO & MLOps cho chuyển đổi số công – từ lớp học đến vận hành: Đối sánh chương trình và khuyến nghị

5 **Trần Thị Thu Hường**

A COMPARATIVE STUDY OF "HSK STANDARD COURSE 4" AND "MSUTONG EXPRESSWAY TO CHINESE INTERMEDIATE LEVEL" FROM THE PERSPECTIVE OF USE IN VIETNAMESE TRAINING INSTITUTIONS — **38**
Nghiên cứu so sánh giáo trình HSK tiêu chuẩn cấp 4 và giáo trình Hán ngữ Msutong trung cấp dưới góc độ ứng dụng tại các trung tâm đào tạo tiếng Trung ở Việt Nam

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

6 **Phùng Thị Hằng**

POLICIES TO PROMOTE MULTILATERAL COOPERATION IN THE DEVELOPMENT OF AGRICULTURAL TOURISM IN VIETNAM: THE "SIX-PARTY LINKAGE" MODEL — **48**
Chính sách thúc đẩy hợp tác đa bên trong phát triển du lịch nông nghiệp tại Việt Nam: Mô hình "liên kết sáu nhà"

7 **Trần Văn Khởi, Đậu Thế Tụng**

PROMOTING PRIVATE INVESTMENT IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS: A PROPOSED POLICY FRAMEWORK — **58**
Thúc đẩy đầu tư tư nhân tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Khung chính sách đề xuất

8 **Vũ Thị Thanh Minh**

THE IMPACT OF CUSTOMARY LAW ON GENDER EQUALITY IN VARIOUS ASPECTS OF SOCIAL LIFE IN ETHNIC MINORITY AREAS OF TUYEN QUANG PROVINCE — **66**
Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Tuyên Quang

KHOA HỌC SỨC KHỎE

9 **Nguyễn Văn Rư, Lưu Thị Bích Ngọc**

THE EFFECTS OF LACTOBACILLUS FERMENTUM SUPPLEMENTATION ON IGA, HEMOGLOBIN LEVELS, AND COMMON ILLNESSES IN CHILDREN AGED 2 TO 5 YEARS — **74**
Tác dụng của bổ sung Lactobacillus fermentum lên nồng độ IgA, hemoglobin và tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em từ 2 tuổi đến 5 tuổi

10 **Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Đức Thiện, Võ Thị Minh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo, Dương Tiến Anh**

AN OVERVIEW OF NATURAL SOURCES AND SYNTHETIC APPROACHES OF INDIRUBIN — **87**
Tổng quan về nguồn gốc tự nhiên và phương pháp tổng hợp Indirubin

11 **Phương Văn Thịnh**

CURRENT SITUATION AND DEVELOPMENT ORIENTATION OF DIGITAL TRANSFORMATION IN THE PHARMACEUTICAL SECTOR IN VIETNAM — **95**
Thực trạng và định hướng chuyển đổi số trong ngành Dược tại Việt Nam

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

12 **Nguyễn Đức Vân**

KEY HIGHLIGHTS OF THE AMENDED PHARMACY LAW 2024 — **102**
Những điểm mới nổi bật của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược

RESOLUTION NO. 68/NQ-TW OF THE 13TH-TENURE POLITIBURO - A BREAKTHROUGH IN PERCEPTION AND THINKING ON THE PRIVATE SECTOR DURING THE RENOVATION PERIOD

Tran Dang Bo[1]
Chu Vu Bao Thu[2]

[1]Thanh Do University; [2]Graduate Program in Economic Management, Cohort 31, Ho Chi Minh National Academy of Politics
Email: *trandangbo@yahoo.com.vn*[1]*; baothu2911@gmai.com*[2]
Received: 3/9/2025; Reviewed: 8/9/2025; Revised: 16/9/2025; Accepted: 29/9/2025
DOI: *https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i3.282*

Abstract: *Fully aware of the role and importance of the private sector for the sustainable development of the socialist-oriented market economy, the 13th-tenure Politburo issued Resolution No. 68-NQ/TW on private sector development. The resolution identifies the private sector as "the most important driving force of the national economy...; together with the state and collective sectors, the private sector plays a core role in building an independent, self-reliant, self-sufficient, and resilient economy associated with international integration... to help the country escape the risk of lagging and achieve prosperous development in the new era." This represents not only a breakthrough in the perception and theoretical thinking on private sector development but also a significant contribution to the Party's theoretical achievements regarding the direction of renovation and the unique socialist-oriented market economy specific to Vietnam. The article analyzes and clarifies the breakthrough developments in the perception and thinking regarding the private economy, as well as its important contributions to the Party's theoretical achievements after nearly 40 years of renovation.*

Keywords: *Private economy; Resolution No. 68/2025 of the 13th Central Committee's Politburo; Breakthrough development.*

1. Đặt vấn đề

Mặc dù đã được hiến định và Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương: "Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân" (KTTN) (Đảng cộng sản Việt Nam, 2021), song "tư duy, nhận thức về KTTN hiện nay vẫn còn chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển KTTN" (Bộ Chính trị, 2025). Theo đó, KTTN đang phải đối mặt với không ít rào cản kìm hãm sự phát triển. Nhằm khắc phục triệt để hạn chế nhận thức, tư duy về KTTN, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển KTTN (Nghị quyết 68) đã được ban hành. Một trong những quan điểm thể hiện quyết tâm chính trị cao trong Nghị quyết 68 là xoá bỏ triệt để nhận thức, tư tưởng, quan niệm, thái độ định kiến về KTTN, đánh giá đúng vai trò quan trọng của KTTN. Để hiện thực hoá quan điểm này, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu là "Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển KTTN" (Bộ Chính trị, 2025). Theo đó, cấp uỷ, chính quyền các cấp trong hệ thống chính trị, cộng đồng KTTN và toàn dân nhất quán nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của KTTN. Từ quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp này có thể khẳng định, Nghị quyết 68 không chỉ là bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy, mà là một đóng góp lý luận quan trọng vào thành tựu phát triển lý luận của Đảng thời kỳ đổi mới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghị quyết 68 ra đời chỉ trong thời gian ngắn đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà khoa học, đội ngũ chuyên gia ở mọi lĩnh vực. Tuy tiếp cận từ nhiều góc độ, nhưng các công bố khoa học đã từng bước làm rõ sự phát triển trong nhận thức, tư duy và cơ chế, chính sách, điển hình như:

Theo tác giả Tô Lâm (2025): thời kỳ bao cấp,

KTTN bị phân biệt đối xử cả trong ý thức xã hội và cơ chế, chính sách; thời kỳ đổi mới, KTTN đã vươn lên khẳng định vai trò, động lực quan trọng của nền kinh tế. Tuy nhiên, để tạo động lực mới cho KTTN, vấn đề quan trọng, cốt lõi nhất là tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường,... với những thay đổi có tính bước ngoặt về nhận thức, tư duy, hành động, tạo thành đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN). Nghị quyết 68 định hình quan điểm mới của Đảng về phát triển KTTN (Tô Lâm, 2025) và là động lực thúc đẩy KTTN phát triển. Minh Duyên (2025) cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền kinh tế XHCN với nhiều thành phần kinh tế, trong đó có KTTN được hình thành từ rất sớm. Theo tác giả, Nghị quyết 68 coi KTTN là một động lực quan trọng nhất là sự kế thừa, phát triển và vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng của Hồ Chủ tịch. Tuy nhiên, tác giả chưa làm rõ bước phát triển đột phá cụ thể của Nghị quyết 68.

Theo Nguyễn Trung Thành (2025), từ chỗ là "đối tượng cần cải tạo" đến "xác lập KTTN là một động lực quan trọng nhất" là một "bước tiến về nhận thức lý luận". Nghị quyết 68 khẳng định, KTTN là một động lực quan trọng nhất, không chỉ là "bước phát triển mới trong tư duy của Đảng, mà còn thừa nhận KTTN không đối lập với kinh tế nhà nước, cùng hướng tới xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, tính đột phá của bước phát triển này chưa được tác giả phân tích làm rõ. Theo Hạnh Nguyễn (2025), phát triển KTTN là quá trình lâu dài, phản ánh sự thay đổi sâu sắc tư duy về thành phần kinh tế, trong đó có KTTN. Từ nghi ngại là thành phần phi XHCN, KTTN được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật, từng bước khẳng định trong văn kiện Đảng. Nếu Đại hội XII, XIII coi KTTN là một động lực quan trọng, thì Nghị quyết 68 xác lập KTTN là động lực quan trọng nhất. Theo tác giả, đây không đơn thuần là sự điều chỉnh chính sách, mà là sự thay đổi căn bản nhận thức, tư duy về vai trò của các thành phần kinh tế, trong đó có KTTN.

Kết quả tổng quan cho thấy, các nghiên cứu đánh giá cao bước phát triển trong nhận thức, tư duy về KTTN, đặc biệt là sự ra đời của Nghị quyết 68. Các công trình tiếp cận vấn đề từ nhiều khía cạnh, song đều khẳng định: nhận thức, tư duy về KTTN có bước phát triển đột phá, từ kỳ thị, nghi ngờ đến công nhận ngày càng đầy đủ và xác lập vị thế là động lực quan trọng nhất. Tuy có nhiều nghiên cứu khẳng định Nghị quyết 68 là "bước đột phá, bước tiến mới", thậm chí là "đỉnh cao nhận thức", nhưng chưa có nghiên cứu nào đi sâu phân tích, luận giải hệ thống, toàn diện về bản chất, nội hàm và biểu hiện cụ thể của đột phá đó. Đây là khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ để hiểu rõ ý nghĩa lý luận và thực tiễn của bước chuyển nhận thức, tư duy quan trọng về KTTN ở Nghị quyết 68.

3. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu

Do tính mới của vấn đề nghiên cứu và nguồn tài liệu hạn chế, nên tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu gồm: Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về KTTN; đồng thời sử dụng kết quả từ một số công trình nghiên cứu về KTTN đã công bố sau khi Nghị quyết 68 ban hành. Các văn kiện này là định hướng chính trị và là căn cứ pháp lý để luận giải bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy của Đảng về KTTN.

Đối tượng nghiên cứu ở bài viết này là bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy về KTTN, với phạm vi không gian nghiên cứu là thời kỳ đổi mới.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Bối cảnh tác động đến sự hình thành, phát triển nhận thức, tư duy về kinh tế tư nhân

4.1.1. Bối cảnh thế giới

Cuối những năm 70 và thập kỷ 80 thế kỷ XX, hầu hết các nền kinh tế trong hệ thống XHCN đã bị trì trệ, suy thoái, khủng hoảng. Nguyên nhân là duy trì quá lâu mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Mô hình này trở thành lực cản, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất, làm suy giảm năng suất, tăng trưởng và phát triển của các nền kinh tế theo mô hình kinh tế Xô Viết. Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu tan rã đặt ra yêu cầu cần thiết, cấp bách đối với các nước XHCN khi đó trong việc lựa chọn mô hình kinh tế mới, phù hợp để thay thế mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung và Việt Nam cũng không ngoại lệ.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Sau khi Việt Nam thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện bị bao vây, cấm vận, thì những hạn chế, yếu kém của cơ chế kế hoạch hóa tập trung bộc lộ ngày càng rõ. Tình hình đó đòi hỏi Đảng phải "nhìn thẳng vào sự thật, đánh

giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987) trong nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền kinh tế XHCN, nhất là KTTN, trên cơ sở đó lựa chọn đường lối đổi mới, trước hết đổi mới về kinh tế, với cách làm phù hợp với điều kiện sau chiến tranh. Từ việc thận trọng, linh hoạt sử dụng yếu tố thị trường đến từng bước tăng cường vai trò nhà nước đối với cơ chế thị trường, Việt Nam đã vượt qua khó khăn, thách thức, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh, bền vững, góp phần bổ sung, hoàn thiện, phát triển nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng như KTTN.

4.1.3. Kinh tế tư nhân được hiến định trong Hiến pháp

Từ chỗ bị mặc cảm, định kiến là thành phần kinh tế tàn dư và "thành phần kinh tế phi XHCN" cần cải tạo (Quốc hội, 1980), KTTN được hiến định thận trọng trong Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013, trong đó:

Hiến pháp 1992 quy định: "phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân…"; "phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước dưới nhiều hình thức" (Quốc hội, 1992). Hiến pháp 2013 quy định: "Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế"; trong đó, KTTN là bộ phận cấu thành quan trọng... Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa (Quốc hội, 2013).

Nhận thức, tư duy và đường lối, quan điểm của Đảng về phát triển KTTN được thể chế hoá bởi hệ thống pháp luật liên quan như: Bộ Luật dân sự, Bộ Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật thuế, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa… Ngoài ra còn có các văn bản dưới luật như Nghị định, Quyết định,.. của Chính phủ, các Bộ, ngành hướng dẫn chi tiết thi hành các luật này.

4.2. Quá trình hình thành, phát triển nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế tư nhân, sau gần 40 năm đổi mới

4.2.1. Nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế tư nhân trong Nghị quyết 68 thể hiện sự kế thừa trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế nhiều thành phần và kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cơ sở lý luận để Nghị quyết 68 xác định KTTN là một động lực quan trọng nhất,.. là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, về kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ. Một trong những phát triển, đóng góp to lớn về lý luận và thực tiễn của V.I.Lênin vào học thuyết kinh tế Mácxít là sử dụng Chính sách Kinh tế mới (NEP). Thật vậy, sau Cách mạng Tháng Mười Nga, để tập trung nguồn lực tiến hành nội chiến, chính quyền Xô viết khi đó áp dụng Chính sách Cộng sản thời chiến. Hậu quả từ chính sách này là nền kinh tế suy thoái, sản xuất ở các ngành nông nghiệp, công nghiệp,.. suy giảm; nghiêm trọng hơn là chính quyền Xô viết bị đe doạ bởi sự phản đối của mọi tầng lớp dân cư. Trước nguy cơ đó, V.I.Lênin nhận thấy cần phải đổi mới chính sách để phục hồi kinh tế, do đó, NEP ra đời. Tuy là giải pháp tạm thời, nhưng NEP là sự sáng tạo của V.I.Lênin. Sự sáng tạo này không chỉ giúp nền kinh tế Liên Xô vượt qua khủng hoảng, tạo tiền đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà còn tránh được nguy cơ sụp đổ chính quyền Xô viết. Điều đó cho thấy, NEP là một chính sách kinh tế linh hoạt trong việc sử dụng yếu tố thị trường và vai trò kiểm soát của nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên vận dụng thành công với nhiều sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về kinh tế nhiều thành phần và kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ. Nghị quyết 68 xác định KTTN là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, là chủ trương đúng, hợp quy luật, sự kế thừa trung thành, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền kinh tế XHCN trong thời kỳ quá độ nhằm khai thác tối đa mọi nguồn lực, mọi tiềm năng, lợi thế của KTTN để tạo động lực đột phá trong kỷ nguyên mới.

4.2.2. Nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế tư nhân ở Nghị quyết 68 gắn với quá trình hình thành, phát triển nhận thức, tư duy về kinh tế nhiều thành phần và kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa.

Trong thời gian dài, kinh tế thị trường, nhất là KTTN không được thừa nhận ở Việt Nam. Tuy nhiên, từ thực tiễn gắn với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể trong tiến trình đổi mới, nhận thức, tư duy về kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường, trong đó có KTTN đã có sự phát triển, không ngừng hoàn thiện, khởi nguồn từ Đại hội VI với khẳng định: "nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987). Do vậy, có chủ trương xóa bỏ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp; xóa bỏ thành kiến với các thành phần kinh tế; xây dựng cơ chế kinh tế mới phù hợp với quy luật và trình độ phát triển của nền kinh tế. Tuy Đại hội VI thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, song KTTN chưa được xác lập là một chủ thể kinh tế tồn tại độc lập. Đây là nhận thức, tư duy mới về tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần, đặt nền móng cho đột phá trong nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Phát triển nhận thức, tư duy kinh tế của Đại hội VI, nhất là Hội nghị Trung ương 6 khoá VI khẳng định, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, một trong những thành tựu nổi bật về đổi mới kinh tế được Đại hội VII đánh giá: "bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991b). Vì thế, Đại hội VII chủ trương thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN,.. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010b). Đại hội VII thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với chủ trương "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991a). Lần đầu tiên Đại hội VII coi KTTN là một thành phần kinh tế có nhiều tiềm năng, tồn tại khách quan, độc lập trong nền kinh tế nhiều thành phần, do đó "KTTN được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010a). Đây là nền móng hình thành nhận thức, tư duy về phát triển KTTN ở các kỳ Đại hội sau.

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII chủ trương tiếp tục nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế cá thể, tiểu chủ là một bộ phận đông đảo, có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng lâu dài;.. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010a). Nhờ đó, cơ bản "xoá bỏ quy định phân biệt kinh tế cá thể và KTTN; đánh giá đúng vai trò của các nhà kinh doanh tư nhân hoạt động theo pháp luật là một lực lượng quan trọng để chấn hưng kinh tế, xoá bỏ các mặc cảm và nghi kỵ" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010a). Sự khẳng định, kinh tế cá thể, tiểu chủ là một bộ phận đông đảo, có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng lâu dài và thừa nhận vai trò của các nhà kinh doanh tư nhân là một lực lượng quan trọng để chấn hưng kinh tế, không chỉ là sự kiên định, nhất quán, mà là bước phát triển mới trong nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó KTTN là bộ phận cấu thành quan trọng. Nếu Đại hội VII đặt nền móng hình thành nhận thức, tư duy về KTTN, thì Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII là bước phát triển mới, hoàn thiện hơn nhận thức, tư duy về KTTN.

Nhất quán chủ trương phát triển KTTN của hai kỳ Đại hội trước, Đại hội VIII chỉ ra: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996). Từ nhận thức này, Đại hội VIII chủ trương tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tổng kết 10 đổi mới, Đại hội VIII rút ra bài học: Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010a). Bài học này là kết quả của một quá trình tìm tòi, đổi mới, sáng tạo, bám sát thực tiễn. Cho đến Đại hội VIII, tuy phạm trù kinh tế thị trường chưa được sử dụng, song nhận thức, tư duy về kinh tế hàng hoá hay kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường là tiền đề hình thành, phát triển nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường và KTTN cho các kỳ Đại hội tiếp theo.

Kết quả 15 năm đổi mới là căn cứ thực tiễn

cho bước đột phá mới trong nhận thức, tư duy kinh tế để Đại hội IX khẳng định "thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.., đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010); đồng thời xác lập kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, "kinh tế cá thể, tiểu chủ, KTTN được khuyến khích phát triển mạnh; hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế trang trại" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010b).

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX, Hội nghị Trung ương 5 khóa IX ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TW về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển KTTN, trong đó xác định: KTTN gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002) "là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển KTTN là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002). Kể từ Đại hội VI, Nghị quyết số 14-NQ/TW là nghị quyết chuyên đề đầu tiên về phát triển KTTN. Đây là bước đột phá mới trong nhận thức, tư duy về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng như về KTTN, tạo tiền đề mới để hoàn thiện, phát triển nhận thức, tư duy về KTTN. Đại hội X khẳng định: Để đi lên chủ nghĩa xã hội, phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, do đó cần phát triển mạnh các thành phần kinh tế gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, KTTN, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó: "KTTN có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2010). Như vậy, Đại hội X không chỉ nhấn mạnh vai trò của kinh tế thị trường, mà lần đầu tiên Đảng ta xác lập KTTN là một trong những động lực của nền kinh tế. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 6 khoá X thống nhất: "kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại… (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008); "nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là một nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng XHCN". Do đó, kinh tế thị trường được sử dụng làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Một trong những bước chuyển đánh dấu sự phát triển mới trong nhận thức, tư duy về KTTN là Hội nghị Trung ương 3 khoá X ban hành Quy định số 15/QĐ-TW Về đảng viên làm KTTN. Quy định này cho thấy tầm quan trọng của KTTN. Đây là dấu mốc phát triển mới, mang tính đột phá trong nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường định hướng XHCN, đặc biệt là KTTN. Kiên định, nhất quán và cụ thể hoá chủ trương Đại hội X về KTTN là một trong những động lực của nền kinh tế, Hội nghị Trung ương 6 khoá X ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN với chủ trương hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp theo hướng khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài, sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp,..; khuyến khích liên kết hỗn hợp giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân,..; khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước vào các lĩnh vực mà pháp luật không cấm,.. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008).

Bước phát triển mới trong nhận thức, tư duy về nền kinh tế thị trường và KTTN tại Đại hội XI thể hiện ở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011): "Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Trên cơ sở xác định: KTTN là một trong những động lực của nền kinh tế, Đại hội XI chủ trương tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh KTTN trở thành một trong những động lực của nền kinh tế, thúc đẩy hình thành các tập đoàn KTTN, khuyến khích tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011); đồng thời tiếp tục thực hiện chủ trương đảng viên làm KTTN; thực hiện thí điểm kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng theo Quy định đảng viên làm KTTN (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006). Chủ trương này thể hiện tính

đúng đắn và quyết tâm chính trị về phát triển KTTN.

4.2.3. Nhận thức, tư duy về kinh tế tư nhân ở Nghị quyết 68 là sự kế thừa, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII, XIII về phát triển kinh tế tư nhân.

Đại hội XII thống nhất: nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng lãnh đạo; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó KTTN giữ vai trò chủ đạo, KTTN là một động lực quan trọng. Để phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng như KTTN, Đại hội XII đề ra nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp theo hướng "khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh KTTN… trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn KTTN đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Ở Đại hội XI, KTTN chỉ là một trong những động lực, thì ở Đại hội XII, KTTN được xác lập là một động lực quan trọng. Sự diễn đạt khác nhau về vai trò KTTN ở hai kỳ Đại hội này không chỉ thể hiện tầm quan trọng của KTTN, mà là bước phát triển lên tầm cao mới trong nhận thức, tư duy về KTTN. Kế thừa, cụ thể hóa và phát triển nhận thức, tư duy của Đại hội XII về kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó có KTTN, Hội nghị Trung ương 5 khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW Về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nghị quyết không chỉ nhấn mạnh, phát triển KTTN là yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường, mà còn khẳng định: KTTN là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với KTTN là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017). Điểm mới ở Hội nghị Trung ương 5 khoá XII so với văn kiện Đại hội XII là: *một là*, chỉ ra yêu cầu khách quan, cấp thiết, lâu dài của phát triển KTTN, khẳng định vai trò của KTTN trong quá trình hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường; *hai là*, chặt chẽ, rõ ràng khi xác lập KTTN là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế, trong khi Đại hội XII xác lập KTTN là một động lực quan trọng. Sự xác lập vai trò KTTN ở Hội nghị Trung ương 5 khoá XII là sự khẳng định, KTTN sẽ được sử dụng như một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017) để phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá XII là dấu mốc chiến lược trong tư duy và chính sách đối với KTTN (Lê Hùng, 2025), khởi đầu cho bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy về KTTN ở Đại hội XIII, nhất là Nghị quyết 68.

Sau khi đánh giá KTTN ngày càng thể hiện rõ vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: KTTN là một động lực quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Để phát triển KTTN, Đại hội XIII chủ trương hoàn thiện thể chế theo hướng "Phát triển mạnh khu vực KTTN của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển KTTN;.. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn KTTN lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Hiện thực hoá mục tiêu, khát vọng phồn vinh, hạnh phúc mà Đại hội XIII đề ra, Nghị quyết 68 được ban hành, trong đó khẳng định: KTTN là một động lực quan trọng nhất…, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng… cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, KTTN giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường (Bộ Chính trị, 2025). Khẳng định này là sự kế thừa, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII, XIII về phát triển KTTN, thể hiện sự nhất quán trong việc sử dụng KTTN làm "một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017). Để phát huy mạnh mẽ KTTN, củng cố niềm tin, tạo khí thế mới, xung lực mới cho phát triển KTTN, Nghị quyết 68 đề cập những vấn đề tổng thể, toàn diện, đột phá cả nhận thức, tư duy và hành động. Điều đó cho thấy, Nghị quyết 68 là bước phát triển đột phá, là "đỉnh cao của nhận thức

và hoạch định chính sách, thể hiện năng lực thích ứng và tư duy đổi mới sâu sắc của Đảng trong tổ chức nền kinh tế thị trường định hướng XHCN" (Lê Hùng, 2025).

Nhằm sớm hiện thực hoá mục tiêu Nghị quyết 68 đề ra, ngày 17 tháng 05 năm 2025 Quốc hội khoá XV ban hành Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTTN. Đây là văn bản quy phạm pháp luật chuyên sâu, đặc biệt về phát triển KTTN có giá trị pháp lý cao nhất. Nghị quyết này quy định: chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025, Chính phủ hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo (Quốc hội, 2025); chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026, hoàn thành việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật khác liên quan đến đầu tư kinh doanh để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số 68 (Quốc hội, 2025).

4.3. Một số vấn đề rút ra từ quá trình phát triển nhận thức, tư duy về phát triển kinh tế tư nhân

Một là, nhận thức, tư duy của Đảng về kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường định hướng XHCH là nền tảng lý luận cho sự hình thành, phát triển nhận thức, tư duy về KTTN và phát triển KTTN ở Nghị quyết 68.

Hai là, nhận thức, tư duy về KTTN ở Nghị quyết 68 là kết quả của quá trình lâu dài, phát triển từ thấp đến cao, từ chưa đầy đủ đến ngày càng toàn diện hơn, được bổ sung, hoàn thiện, không ngừng phát triển qua mỗi nhiệm kỳ Đại hội của Đảng, phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển đất nước trong gần 40 đổi mới.

Ba là, Phát triển KTTN ở Nghị quyết 68 thể hiện quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng, ngày càng hoàn thiện trong thời kỳ đổi mới. Sự xuyên suốt, nhất quán đó bắt nguồn từ quá trình đổi mới, phát triển nhận thức, tư duy về KTTN, được thể chế hoá trong Hiến pháp và pháp luật; được bổ sung, hoàn thiện, phát triển qua mỗi nhiệm kỳ Đại hội của Đảng, đỉnh cao là Nghị quyết 68.

Bốn là, Nghị quyết 68 không chỉ kế thừa, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa và hiện thực hoá Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá XII và Đại hội XIII về phát triển KTTN, mà còn là sự kiên định, nhất quán đường lối, quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong các văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới.

Năm là, Nghị quyết 68 là sự khẳng định, KTTN tiếp tục được sử dụng như "một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017) trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Sáu là, KTTN là chủ thể kinh tế duy nhất trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được đề cập nhiều nhất trong văn kiện chuyên đề, chuyên sâu như các Kết luận, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, Ngành…

5. Bàn luận

Phát triển KTTN là quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng trong gần 40 năm đổi mới. Sự xuyên suốt, nhất quán đó bắt nguồn từ quá trình đổi mới, phát triển nhận thức, tư duy về KTTN, được bổ sung, hoàn thiện, phát triển qua mỗi kỳ Đại hội của Đảng; được thể thế hoá trong Hiến pháp và pháp luật. Có thể khẳng định, văn kiện Đảng về phát triển KTTN gần 40 năm đổi mới không chỉ là sự phát triển biện chứng nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó KTTN là bộ phận cấu thành quan trọng, mà còn là sự thích ứng linh hoạt với thực tiễn đổi mới. Nếu tại Đại hội VI, KTTN tuy được thừa nhận nhưng cần kiểm soát, thì từ Đại hội IX đến Đại hội XII, nhất là sau khi ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII, KTTN được xác lập là "một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017). Đặc biệt, Nghị quyết 68 xác lập KTTN là một động lực quan trọng nhất (Bộ Chính trị, 2025). Đây là bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy của Đảng về KTTN. Bước phát triển đột phá này là tiền đề "sớm đưa KTTN phát triển xứng tầm, thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất, trụ cột bảo đảm sự phát triển vững mạnh của nền kinh tế quốc gia" (Tô Lâm, 2025). Tuy nhiên, để thúc đẩy phát triển KTTN đúng định hướng XHCN, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, sự điều hành tập trung, thống

nhất, quyết liệt của Chính phủ; sự chung sức, đồng lòng của hệ thống chính trị, trong đó các chủ thể KTTN là lực lượng tiên phong, nòng cốt. Thúc đẩy phát triển KTTN vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên vươn đến phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc.

6. Kết luận

Kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu thúc đẩy KTTN phát triển mạnh mẽ hơn nữa cả số lượng, chất lượng, quy mô. Đây là khát vọng phát triển, đồng thời là đòi hỏi khách quan để hiện thực hoá mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và năm 2045 do Đại hội XIII đề ra. Nghị quyết 68 với hệ thống quan điểm và nhiệm vụ, giải pháp tổng thể, toàn diện, đột phá nhằm sử dụng KTTN như một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất, tạo xung lực mới cho tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này cho thấy việc thúc đẩy phát triển KTTN không còn chung chung, mà rất cụ thể, mang tính đột phá, được tiến hành thường xuyên, lâu dài. Có thể nói, bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy về KTTN ở Nghị quyết 68 là kim chỉ nam để phát triển KTTN đúng định hướng XHCN, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng trong kỷ nguyên vươn đến phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

Bo Chinh tri. (2025). *Nghi quyet so 68-NQ/TW ngay 04 thang 5 nam 2025 ve phat trien kinh te tu nhan*.

Dang Cong san Viet Nam. (1987). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu VI*. Ha Noi: Nxb Su that.

Dang Cong san Viet Nam. (1991a). *Cuong linh xay dung dat nuoc trong thoi ky qua do len chu nghia xa hoi*. Ha Noi: Nxb Su that.

Dang Cong san Viet Nam. (1991b). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu VII*. Ha Noi: Nxb Su that.

Dang Cong san Viet Nam. (1996). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu VIII*. Ha Noi: Nxb Chinh tri quoc gia.

Dang Cong san Viet Nam. (2002). *Nghi quyet so 14-NQ/TW ngay 18 thang 3 nam 2002 Hoi nghi Trung uong 5 khoa IX ve tiep tuc doi moi co che, chinh sach, khuyen khich va tao dieu kien phat trien kinh te tu nhan*.

Dang Cong san Viet Nam. (2006). *Quy dinh so 15/QD-TW ngay 28 thang 08 nam 2006 Hoi nghi Trung uong 3 khoa X ve dang vien lam kinh te tu nhan*.

Dang Cong san Viet Nam. (2008). *Nghi quyet so 21-NQ/TW ngay 30 thang 01 nam 2008 Hoi nghi Trung uong 6 khoa X ve tiep tuc hoan thien the che kinh te thi truong dinh huong xa hoi chu nghia*.

Dang Cong san Viet Nam. (2010a). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc thoi ky doi moi (Khoa VI, VII, VIII, IX, X), Phan I*. Ha Noi: Nxb Chinh tri Quoc gia.

Dang Cong san Viet Nam. (2010b). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc thoi ky doi moi (Khoa VI, VII, VIII, IX, X), Phan II*. Ha Noi: Nxb Chinh tri Quoc gia.

Dang Cong san Viet Nam. (2011). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XI*. Ha Noi: Nxb Chinh tri quoc gia Su that.

Dang Cong san Viet Nam. (2016). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XII*. Ha Noi: Nxb Chinh tri quoc gia Su that.

Dang Cong san Viet Nam. (2017). *Nghi quyet so 10-NQ/TW ngay 03 thang 06 nam 2017 Hoi nghi Trung uong 5 khoa XII ve phat trien kinh te tu nhan tro thanh mot dong luc quan trong cua nen kinh te thi truong dinh huong xa hoi chu nghia*.

Dang Cong san Viet Nam. (2021). *Van kien Dai hoi dai bieu toan quoc lan thu XIII, Tap 1*. Ha Noi: Nxb Chinh tri quoc gia Su that.

Hanh, N. (2025). *Nghi quyet 68 va su menh lich su cua kinh te tu nhan (Bai 1): Kinh te tu nhan - Hanh trinh lot xac tu luc luong bo sung den dong luc quan trong*. Truy cap ngay 5 thang 8 nam 2025 tu https://www.vietnamplus.vn/kinh-te-tu-nhan-hanh-trinh-lot-xac-tu-luc-luong-bo-sung-den-dong-luc-quan-trong-post1047539.vnp

Trang, H. T. (2025). *Phat trien kinh te tu nhan tuong xung voi vai tro, tiem nang*. Truy cap ngay 5 thang 8 nam 2025 tu https://nhandan.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-

tuong-xung-voi-vai-tro-tiem-nang-post882584.html

Duyen, M. (2025). *Quan diem cua Chu tich Ho Chi Minh ve kinh te tu nhan va su van dung sang tao cua Dang ta*. Truy cap ngay 10 thang 8 nam 2025 tu https://nvsk.vnanet.vn/quan-diem-cua-chu-tich-ho-chi-minh-ve-kinh-te-tu-nhan-va-su-van-dung-sang-tao-cua-dang-ta-1-169848.vna

Thanh, N. T. (2025). *Phat trien kinh te tu nhan gan voi kinh te thi truong dinh huong xa hoi chu nghia Viet Nam trong ky nguyen moi*. Truy cap ngay 10 thang 8 nam 2025 tu https://vietnamhoinhap.vn/vi/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-gan-voi-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-ky-nguyen-moi-51755.htm.

Quoc hoi. (1980, 1992, 2013). *Hien phap Viet Nam nam 1980, 1992 va 2013 (da sua doi, bo sung mot so dieu tai Nghi quyet so 203/2025/QH15 ngay 16 thang 6 nam 2025 cua Quoc hoi khoa Xo viet)*.

Quoc hoi. (2025). *Nghi quyet so 198/2025/QH15 ve mot so co che, chinh sach dac biet phat trien kinh te tu nhan*.

Lam, T. (2025). *Dong luc moi cho phat trien kinh te*. Truy cap ngay 15 thang 8 nam 2025 tu https://baochinhphu.vn/dong-luc-moi-cho-phat-trien-kinh-te-102250511061652535.htm.

NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHOÁ XIII - BƯỚC PHÁT TRIỂN ĐỘT PHÁ TRONG NHẬN THỨC, TƯ DUY VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Trần Đăng Bộ[1]
Chu Vũ Bảo Thư[2]

[1]Trường Đại học Thành Đô; [2]Lớp Cao học Quản lý kinh tế, khóa 31, Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh
Email: *trandangbo@yahoo.com.vn*[1]*; baothu2911@gmai.com*[2]
Ngày nhận bài: 3/9/2025; Ngày phản biện: 8/9/2025; Ngày tác giả sửa: 16/9/2025;
Ngày duyệt đăng: 29/9/2025
DOI: *https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i3.282*

Tóm tắt: *Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của kinh tế tư nhân đối với phát triển bền vững nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Bộ Chính trị khoá XIII đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW Về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó xác định: "kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng" trong kỷ nguyên mới. Đây không chỉ là bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy lý luận về phát triển kinh tế tư nhân, mà còn là đóng góp quan trọng vào thành tựu lý luận của Đảng về đường lối đổi mới, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặc thù, riêng có ở Việt Nam. Bài viết phân tích và làm rõ những bước phát triển đột phá trong nhận thức, tư duy về kinh tế tư nhân và những đóng góp quan trọng vào thành tựu lý luận của Đảng sau gần 40 năm đổi mới.*

Từ khóa: *Kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 68/2025 của Bộ chính trị khóa XIII; Phát triển đột phá.*